TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1158/2023/QĐST-DS
Ngày: 28-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 339/2023/TLST-DS ngày 01/3/2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2023/QĐXXST-DS ngày 17/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2023/QĐST-DS ngày 07/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở: số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Thắng (có mặt)

(Giấy ủy quyền số 1326/2023/UQ-TGĐ ngày 08/5/2023)

Bị đơn : Ông Huỳnh Nguyễn M, sinh năm 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023, tại bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ký kết hợp đồng:

Ngày 18/02/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Huỳnh Nguyễn M có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), loại thẻ cá nhân tín chấp. Căn cứ vào thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 436438-5217 với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho ông M sử dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng:

Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, M đã sử dụng thẻ để giao dịch một lần với tổng số tiền ghi nợ là 50.670.857đồng. Do ông M không thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ông M phải chịu các khoản phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức và phí. Từ khi kích hoạt thẻ để sử dụng cho đến nay, ông M mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 02 lần với tổng số tiền là 2.721.000đồng, từ tháng 6/2021 ông M ngưng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông M trả nợ. Ngày 06/8/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ của ông M sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28/6/2023, ông M còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 105.655.151đồng (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn một trăm năm mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 57.722.387đồng và 47.932.764đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2023.

Bị đơn – ông Huỳnh Nguyễn M:

Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục xác minh, thu thập chứng cứ và tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng ông M vẫn không có mặt tham gia tố tụng, cũng không có ý kiến gì phản hồi về nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/4/2023 và lúc 08 giờ 00 phút ngày 10/5/2023 cho ông M. Ông M đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía bị đơn – ông Huỳnh Nguyễn M thanh toán số tiền nợ phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng số 436438-5217 cho Ngân hàng tổng

cộng là 105.655.151đồng (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn một trăm năm mươi mốt đồng).

Bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/6/2023 trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán dứt nợ, theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bảng điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phần tranh luận: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không có ý kiến phát biểu tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, việc gửi, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử gồm những thành viên như đã công bố trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng và Bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 23/02/2021, có cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số với hạn mức 50.000.000đồng cho ông M sử dụng. Căn cứ vào bản tóm tắt sao kê của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với thẻ tín dụng số 436438-5217 có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định sau khi được ngân hàng cấp thẻ tín dụng ông

M đã sử dụng thẻ để giao dịch số tiền tổng cộng là 50.670.857đồng, nhưng ông M mới chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền 2.721.000đồng.

Việc ông M sử dụng thẻ để giao dịch rồi vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Điều 91 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín buộc bị đơn – ông Huỳnh Nguyễn M thanh toán số tiền tổng cộng là 105.655.151đồng (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn một trăm năm mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 57.722.387đồng và 47.932.764đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2023. Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 29/6/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn – ông Huỳnh Nguyễn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đương sự; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Huỳnh Nguyễn M là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – ông Huỳnh Nguyễn M khai địa chỉ cư trú vào thời điểm ký hợp đồng với nguyên đơn tại số 367/18A Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận B. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 543/2023/QĐ-CCTLCC ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân quận B đã xác minh "công dân Huỳnh Nguyễn M, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú tại 367/18A Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận B, hiện đương sự M không thự tế cư trú tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ", có cơ sở xác định đây là địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07/6/2023 và lần 2 lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/6/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn :

Nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Nguyễn M thanh toán số tiền nợ gốc là 57.722.387đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) ngày 18/02/2021 đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 23/02/2021; Bảng tóm tắt sao kê thẻ tín dụng số 436438-5217 cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn sử dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện giao dịch với số tiền là 50.670.857đồng nhưng chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 02 lần với tổng số tiền 2.721.000đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc, tiền lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí). Từ tháng 6/2021 đến nay, bị đơn ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Ngày 06/8/2021, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại của bị đơn sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 13, Điều 18 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc phát sinh từ những giao dịch sử dụng thẻ tín dụng số 436438-5217, mà nguyên đơn đã cấp cho bị đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Nguyễn M thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2023 là 47.932.764đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên đã thống nhất thỏa thuận, thời hạn thanh toán và lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất thẻ tín dụng của bên phát hành thẻ, nên việc ông M không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xem xét về thời gian tính lãi, mức lãi suất và phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí mà ngân hàng đã áp dụng là hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại các Điều 19, Điều 23 và Điều 25 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và phù hợp với quy định

tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, yêu cầu về thanh toán tiền lãi quá hạn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh phải toán số tiền tổng cộng là 105.655.151đồng (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn một trăm năm mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 57.722.387đồng và 47.932.764đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2023 hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B.

[4].Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc bị đơn – ông Huỳnh Nguyễn M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có số thẻ 436438-5217 mà hai bên đã ký ngày 18/02/2021, tổng cộng là 105.655.151đồng (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn một trăm năm mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 57.722.387đồng và 47.932.764đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2023.

Thời hạn thi hành: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: *Á*n phí dân sự sơ thẩm là 5.282.758 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) ông Huỳnh Nguyễn M có nghĩa vụ phải nộp toàn bộ.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 2.316.000đồng (Hai triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, theo biên lai thu số 0019447 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Nguyễn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận B;
-THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyệt